

Số: 27/2026/CBTT-RED

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỎ

- Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1, Lầu 2, The Nexus, 3A-3B Tôn Đức Thắng, P. Sài Gòn, TP. HCM
- Điện thoại: 028.3779.1188
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Trần Vũ Quân**
- Email: info@redcapital.vn

Loại thông tin công bố:

☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ 07 ngày ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ

Nội dung công bố thông tin:

- Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Đỏ công bố thông tin về Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2026.
- Thông tin chi tiết đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/08/2026 theo đường dẫn sau: <https://redcapital.vn/bao-cao-tai-chinh/>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Red Capital.

Đính kèm:

Báo cáo tài chính bán niên 2026 đã soát xét

Người được ủy quyền công bố thông tin



TRẦN VŨ QUÂN

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đò

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



**Shape the future
with confidence**

**Công ty Cổ phần Quản lý
Quỹ Đầu tư Đỏ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 36

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 29/UBCK-GP ngày 3 tháng 3 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 28 tháng 01 năm 2026.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty đặt văn phòng tại Phòng 1, Lầu 2, Tòa nhà Nexus, Số 3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Võ Long Nguyên	Chủ tịch	Ngày 3 tháng 3 năm 2021
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	Ngày 2 tháng 3 năm 2021
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Ngày 2 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2021
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2020
Ông Trần Vũ Quân	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2026
Bà Huỳnh Thị Thảo Anh	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2026
		Miễn nhiệm ngày 9 tháng 7 năm 2026
Bà Trương Ngọc Như Quỳnh	Kế toán Trưởng	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Đỗ Thị Phương Lan - Tổng Giám đốc của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đang áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12950740/E-70162822/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đò

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đò ("Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2026

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		51.048.217.148	60.613.438.980
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	5.194.397.435	14.462.408.501
111	1. Tiền		5.194.397.435	14.462.408.501
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		39.403.098.050	40.577.417.804
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	42.685.011.650	45.008.961.650
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	6.2	(3.281.913.600)	(4.431.543.846)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	5.336.958.768	4.603.853.319
132	1. Trả trước cho người bán		4.788.000	45.517.577
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ		1.049.757.952	1.178.931.919
135	3. Các khoản phải thu khác		4.282.412.816	3.379.403.823
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.113.762.895	969.759.356
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.109.770.733	969.759.356
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.992.162	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		88.386.170.086	86.389.362.553
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		949.227.075	1.241.093.835
218	1. Phải thu dài hạn khác	9	949.227.075	1.241.093.835
220	II. Tài sản cố định	10	253.292.019	114.521.182
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10.1	160.166.669	-
222	Nguyên giá tài sản cố định		249.317.273	75.717.273
223	Hao mòn tài sản cố định		(89.150.604)	(75.717.273)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10.2	93.125.350	114.521.182
228	Nguyên giá tài sản cố định		763.550.000	763.550.000
229	Hao mòn tài sản cố định		(670.424.650)	(649.028.818)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	85.000.000.000	85.000.000.000
253	1. Đầu tư dài hạn khác		85.000.000.000	85.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		2.183.650.992	33.747.536
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.183.650.992	33.747.536
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		139.434.387.234	147.002.801.533

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2026

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.063.336.861	2.734.814.155
310	I. Nợ ngắn hạn		1.063.336.861	2.734.814.155
312	1. Phải trả người bán		3.870.315	3.886.255
313	2. Người mua trả tiền trước		163.500.000	-
314	3. Thuế và các khoản nộp Nhà nước	13	255.690.647	1.567.554.954
315	4. Phải trả người lao động		-	616.912.500
316	5. Chi phí phải trả	14	274.915.918	395.488.465
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	365.359.981	150.971.981
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		138.371.050.373	144.267.987.378
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	100.000.000.000	100.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.825.000.000	3.825.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		70.000.000	70.000.000
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		744.401.187	744.401.187
419	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		744.401.187	744.401.187
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		32.987.247.999	38.884.185.004
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		139.434.387.234	147.002.801.533

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2026

B01a-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		10.255.000.000	21.556.300.000
007	- Chứng khoán giao dịch		10.255.000.000	21.556.300.000
030	2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	17	961.097.250	2.714.382.913
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		961.097.250	2.714.382.913
040	3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	18	35.600.000.000	105.600.000.000
041	- Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước		35.600.000.000	105.600.000.000

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Ông Trần Vũ Quân
Người lập

Ông Trần Vũ Quân
Kế toán Trưởng



Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B02a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
01	1. Doanh thu		6.660.684.416	8.243.540.185
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	19	6.660.684.416	8.243.540.185
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	20	(1.858.855.757)	(1.687.301.167)
20	4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh		4.801.828.659	6.556.239.018
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.580.033.976	2.528.124.877
22	6. Chi phí tài chính	22	(6.966.331.410)	(1.055.607.089)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(5.312.468.230)	(4.333.325.171)
30	8. (Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.896.937.005)	3.695.431.635
50	9. Tổng (lỗ)/lãi kế toán trước thuế		(5.896.937.005)	3.695.431.635
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	-	(685.684.397)
60	11. (Lỗ)/lãi sau thuế TNDN		(5.896.937.005)	3.009.747.238
70	12. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	(590)	301

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2026



Ông Trần Vũ Quân
Người lập



Ông Trần Vũ Quân
Kế toán Trưởng



Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

B03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. (Lỗ)/lãi trước thuế		(5.896.937.005)	3.695.431.635
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(1.547.301.083)	(1.434.173.356)
02	- Khấu hao TSCĐ	10	34.829.163	38.344.432
03	- Các khoản dự phòng	6.2	(1.149.630.246)	66.943.224
05	- Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư		(432.500.000)	(1.539.461.012)
08	3. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(7.444.238.088)	2.261.258.279
09	- Giảm/(tăng) các khoản phải thu		2.008.719.149	(841.089.346)
11	- Giảm các khoản phải trả		(816.402.610)	(217.629.955)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.289.914.833)	143.366.774
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(855.074.684)	(2.482.398.220)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	1.224.737.390
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(9.396.911.066)	88.244.922
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	10	(173.600.000)	(96.750.000)
27	2. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	21	302.500.000	314.723.622
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		128.900.000	217.973.622
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(9.268.011.066)	306.218.544
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	5	14.462.408.501	23.245.166.686
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5	5.194.397.435	23.551.385.230

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Trần Vũ Quân

Trần Vũ Quân



Ông Trần Vũ Quân
Người lập

Ông Trần Vũ Quân
Kế toán Trưởng

Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đồ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2025 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026		Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		3.825.000.000	3.825.000.000	-	-	-	-	3.825.000.000	3.825.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		70.000.000	70.000.000	-	-	-	-	70.000.000	70.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính		744.401.187	744.401.187	-	-	-	-	744.401.187	744.401.187
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		744.401.187	744.401.187	-	-	-	-	744.401.187	744.401.187
6. Lãi chưa phân phối		20.512.316.454	38.884.185.004	4.737.637.119	(1.727.889.881)	-	(5.896.937.005)	23.522.063.692	32.987.247.999
TỔNG CỘNG		125.896.118.828	144.267.987.378	4.737.637.119	(1.727.889.881)	-	(5.896.937.005)	128.905.866.066	138.371.050.373

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
P: 3-2-C Ngày 14 tháng 8 năm 2026



[Signature]

[Signature]

Ông Trần Vũ Quân
Người lập

Ông Trần Vũ Quân
Kế toán Trưởng

Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đở

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTQ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đở ("Công ty"), là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 29/UBCK-GP ngày 3 tháng 3 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 28 tháng 01 năm 2026.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty đặt văn phòng tại Phòng 1, Lầu 2, Tòa nhà Nexus, Số 3A-3B Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 18 người (31 tháng 12 năm 2025: 15 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được áp dụng nhất quán với các chính sách sử dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán tự doanh bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân loại thành đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại bằng hoặc dưới mười hai (12) tháng, ngoại trừ phần tiền gửi có kỳ hạn bằng hoặc dưới ba (03) tháng đã bao gồm trong Tiền và các khoản tương đương tiền, và các khoản đầu tư trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi được nắm giữ với mục đích để bán trong vòng ba (03) tháng đến mười hai (12) tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm trái phiếu, các khoản cho vay, tiền gửi và các khoản đầu tư dài hạn khác có kỳ hạn còn lại trên mười hai (12) tháng.

Các chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư khác được tiếp tục phản ánh theo giá gốc trong các kỳ tài chính tiếp theo và được lập dự phòng giảm giá nếu giá gốc cao hơn giá thị trường có thể xác định được. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao và hao mòn của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm
Phần mềm máy vi tính	3 - 6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

4.9 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.11 *Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác*

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

4.12 *Lợi ích của nhân viên*

4.12.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên.

4.12.2 *Bảo hiểm thất nghiệp*

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.14 Các quỹ dự trữ bắt buộc

Công ty áp dụng Thông tư 114/2021/TT-BTC để hạch toán và xử lý số dư quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ như sau:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính đã được trích lập được dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội Cổ đông của Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, HĐQT chưa có nghị quyết về việc sử dụng số dư quỹ dự phòng tài chính. Quỹ dự phòng tài chính được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thưởng hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.17 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng	1.194.397.435	4.462.408.501
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	4.000.000.000	10.000.000.000
	5.194.397.435	14.462.408.501

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, với mức lãi suất 4,75%/năm.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đở

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

6.1 Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2026</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>VND</u>	<u>Số lượng</u>	<u>VND</u>
Cổ phiếu niêm yết				
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	200.000	13.490.726.903	50.000	4.827.494.760
- Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (CTG)	260.000	10.156.840.450	-	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT (FPT)	100.000	8.065.743.647	4.000	397.538.380
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	335.500	7.251.098.050	305.000	7.251.098.050
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	130.000	3.720.602.600	-	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (IJC)	-	-	1.162.600	15.561.216.365
- Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)	-	-	440.000	11.727.782.450
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC)	-	-	170.000	4.748.477.378
- Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS)	-	-	9.030	258.924.994
- CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL)	-	-	15.000	236.429.273
	1.025.500	42.685.011.650	2.155.630	45.008.961.650

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đở

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Cổ phiếu niêm yết		
- Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (CTG)	1.329.840.450	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT (FPT)	1.045.743.647	14.338.380
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	890.726.903	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	15.602.600	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (IJC)	-	3.063.266.365
- Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)	-	1.167.782.450
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC)	-	149.977.378
- CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL)	-	36.179.273
	3.281.913.600	4.431.543.846

Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số đầu kỳ	4.431.543.846	908.302.995
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong kỳ	(1.149.630.246)	66.943.224
Số cuối kỳ	3.281.913.600	975.246.219

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải thu hoạt động bán chứng khoán (*)	4.129.508.704	1.900.246.292
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	1.049.757.952	1.178.931.919
Phải thu công ty chứng khoán	130.000.000	1.309.174.024
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.788.000	45.517.577
Phải thu ngắn hạn khác	22.904.112	169.983.507
	5.336.958.768	4.603.853.319

(*) Đây là khoản tiền gửi của Công ty tại Công ty chứng khoán cho mục đích kinh doanh chứng khoán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Chi phí thuê và quản lý văn phòng	860.236.872	41.778.000
Chi phí phần mềm trả trước	138.596.940	130.933.536
Chi phí thiết bị văn phòng	67.596.833	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	797.047.820
Chi phí khác	43.340.088	-
	1.109.770.733	969.759.356

Thay đổi chi phí trả trước ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Đầu kỳ	969.759.356	169.862.809
Tăng trong kỳ	2.607.762.893	615.057.696
Phân loại lại vào chi phí trả trước dài hạn	(797.047.820)	-
Phân bổ trong kỳ	(1.670.703.696)	(653.797.495)
Cuối kỳ	1.109.770.733	131.123.010

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Đặt cọc thuê văn phòng	939.227.075	1.231.093.835
Đặt cọc dịch vụ taxi	10.000.000	10.000.000
	949.227.075	1.241.093.835

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

10.1 Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	75.717.273	-	75.717.273
Tăng trong kỳ	-	173.600.000	173.600.000
Số dư cuối kỳ	75.717.273	173.600.000	249.317.273
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	(75.717.273)	-	(75.717.273)
Hao mòn trong kỳ	-	(13.433.331)	(13.433.331)
Số dư cuối kỳ	(75.717.273)	(13.433.331)	(89.150.604)
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	160.166.669	160.166.669

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 75.717.273 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 75.717.273 VND).

10.2 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	623.550.000	140.000.000	763.550.000
Số dư cuối kỳ	623.550.000	140.000.000	763.550.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	(539.067.137)	(109.961.681)	(649.028.818)
Hao mòn trong kỳ	(8.062.500)	(13.333.332)	(21.395.832)
Số dư cuối kỳ	(547.129.637)	(123.295.013)	(670.424.650)
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	84.482.863	30.038.319	114.521.182
Tại ngày cuối kỳ	76.420.363	16.704.987	93.125.350

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 586.800.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 586.800.000 VND).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Tỷ lệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Tỷ lệ
Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	50.000.000.000	15,63%	50.000.000.000	15,63%
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng Red Three	35.000.000.000	11,67%	35.000.000.000	11,67%
	85.000.000.000		85.000.000.000	

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Chi phí cải tạo và bố trí văn phòng	1.948.921.681	-
Công cụ dụng cụ	234.729.311	33.747.536
	2.183.650.992	33.747.536

Thay đổi chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Đầu kỳ	33.747.536	240.276.521
Tăng trong kỳ	2.325.233.021	-
Phân bổ trong kỳ	(175.329.565)	(104.626.975)
Cuối kỳ	2.183.650.992	135.649.546

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Đã trả trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	851.172.522	-	(855.074.684)	(3.902.162)
Thuế thu nhập cá nhân	713.210.420	592.424.263	(1.049.944.036)	255.690.647
Thuế giá trị gia tăng	3.172.012	8.447.136	(11.709.148)	(90.000)
	1.567.554.954	600.871.399	(1.916.727.868)	251.698.485
Trong đó:				
Phải thu	-			(3.992.162)
Phải nộp	1.567.554.954			255.690.647

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Trích trước thuế phải trả	274.786.817	274.786.817
Khác	129.101	120.701.648
	274.915.918	395.488.465

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Phải trả do thu hộ	360.890.000	146.502.000
Khác	4.469.981	4.469.981
	365.359.981	150.971.981

16. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026		Ngày 31 tháng 12 năm 2025	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH VLCC	51.750.000.000	51,75	48.625.000.000	48,625
Bà Đỗ Thị Phương Lan	20.000.000.000	20,00	-	-
Ông Lê Viết Anh Phong	9.000.000.000	9,00	-	-
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	8.000.000.000	8,00	48.625.000.000	48,625
Ông Nguyễn Quốc Vinh	7.500.000.000	7,50	-	-
Ngân hàng TM TNHH MTV				
Kỷ Nguyên Thịnh Vượng	2.750.000.000	2,75	2.750.000.000	2,75
Bà Nguyễn Thị Thủy Dương	1.000.000.000	1,00	-	-
	100.000.000.000	100	100.000.000.000	100

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 (cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (cổ phiếu)
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành cho cổ đông		
- Số cổ phần phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
- Số cổ phần phổ thông	10.000.000	10.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

Chi tiết tiền gửi các nhà đầu tư ủy thác như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Nhà đầu tư 1 (i)	718.648.276	309.217.036
Nhà đầu tư 2 (ii)	188.982.906	391.590.569
Nhà đầu tư 3 (iii)	48.042.420	102.606.104
Nhà đầu tư 4 (iv)	5.423.648	107.406.253
Nhà đầu tư 5 (v)	-	1.289.287.718
Nhà đầu tư 6 (vi)	-	257.400.821
Nhà đầu tư 7 (vii)	-	128.437.206
Nhà đầu tư 8 (viii)	-	128.437.206
	961.097.250	2.714.382.913

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong kỳ của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số dư đầu kỳ	2.714.382.913	1.178.136.232
Số tăng trong kỳ	2.967.966.344	3.505.239.146
Số giảm trong kỳ	(4.721.252.007)	(3.498.239.730)
Số dư cuối kỳ	961.097.250	1.185.135.648

(i) Nhà đầu tư 1

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số dư đầu kỳ	309.217.036	-
Số tăng trong kỳ	450.422.640	-
Cổ tức được nhận	450.000.000	-
Lãi tiền gửi	422.640	-
Số giảm trong kỳ	(40.991.400)	-
Phí lưu ký	(3.491.400)	-
Phí khác	(37.500.000)	-
Số dư cuối kỳ	718.648.276	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC (tiếp theo)

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong kỳ của các nhà đầu tư ủy thác như sau: (tiếp theo)

(ii) Nhà đầu tư 2

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số dư đầu kỳ	391.590.569	-
Số tăng trong kỳ	591.181.157	-
Cổ tức được nhận	585.000.000	-
Lãi tiền gửi	6.181.157	-
Số giảm trong kỳ	(793.788.820)	-
Phí lưu ký	(4.538.820)	-
Rút tiền ủy thác	(740.500.000)	-
Phí khác	(48.750.000)	-
Số dư cuối kỳ	188.982.906	-

(iii) Nhà đầu tư 3

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số dư đầu kỳ	102.606.104	-
Số tăng trong kỳ	150.036.316	-
Cổ tức được nhận	150.000.000	-
Lãi tiền gửi	36.316	-
Số giảm trong kỳ	(204.600.000)	-
Phí lưu ký	(2.100.000)	-
Rút tiền ủy thác	(190.000.000)	-
Phí khác	(12.500.000)	-
Số dư cuối kỳ	48.042.420	-

(iv) Nhà đầu tư 4

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số dư đầu kỳ	107.406.253	-
Số tăng trong kỳ	150.117.395	-
Cổ tức được nhận	150.000.000	-
Lãi tiền gửi	117.395	-
Số giảm trong kỳ	(252.100.000)	-
Phí lưu ký	(2.100.000)	-
Phí quản lý tài khoản	(10.000.000)	-
Rút tiền ủy thác	(227.500.000)	-
Phí khác	(12.500.000)	-
Số dư cuối kỳ	5.423.648	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC (tiếp theo)

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong kỳ của các nhà đầu tư ủy thác như sau: (tiếp theo)

(v) Nhà đầu tư 5

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số dư đầu kỳ	1.289.287.718	-
Số tăng trong kỳ	1.251.134.379	-
Cổ tức được nhận	1.250.000.000	-
Lãi tiền gửi	1.134.379	-
Số giảm trong kỳ	(2.540.422.097)	-
Phí quản lý tài khoản	(440.000)	-
Phí lưu ký	(12.927.391)	-
Rút tiền ủy thác	(2.398.304.706)	-
Phí khác	(128.750.000)	-
Số dư cuối kỳ	-	-

(vi) Nhà đầu tư 6

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số dư đầu kỳ	257.400.821	-
Số tăng trong kỳ	34.155	-
Lãi tiền gửi	34.155	-
Số giảm trong kỳ	(257.434.976)	-
Phí quản lý tài khoản	(275.000)	-
Phí lưu ký	(1.648.334)	-
Rút tiền ủy thác	(242.151.642)	-
Phí khác	(13.360.000)	-
Số dư cuối kỳ	-	-

(vii) Nhà đầu tư 7

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số dư đầu kỳ	128.437.206	-
Số tăng trong kỳ	187.520.151	-
Cổ tức được nhận	187.500.000	-
Lãi tiền gửi	20.151	-
Số giảm trong kỳ	(315.957.357)	-
Phí quản lý tài khoản	(495.000)	-
Phí lưu ký	(2.780.000)	-
Rút tiền ủy thác	(296.682.357)	-
Phí khác	(16.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	-	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

17. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC (tiếp theo)

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong kỳ của các nhà đầu tư ủy thác như sau: (tiếp theo)

(viii) Nhà đầu tư 8

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Số dư đầu kỳ	128.437.206	-
Số tăng trong kỳ	187.520.151	-
Cổ tức được nhận	187.500.000	-
Lãi tiền gửi	20.151	-
Số giảm trong kỳ	(315.957.357)	-
Phí quản lý tài khoản	(495.000)	-
Phí lưu ký	(2.780.000)	-
Rút tiền ủy thác	(296.682.357)	-
Phí khác	(16.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	-	-

18. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026		
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị thị trường VND	Tăng so với giá trị đầu tư VND
Cổ phiếu niêm yết			
- Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("VSH")	35.600.000.000	37.736.000.000	2.136.000.000
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị thị trường VND	Tăng so với giá trị đầu tư VND
Cổ phiếu niêm yết			
- Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("VSH")	105.600.000.000	119.988.000.000	14.388.000.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

19. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư	6.660.684.416	4.958.540.185
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-	3.285.000.000
	6.660.684.416	8.243.540.185

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Chi phí lương nhân viên trực tiếp	1.675.831.090	1.571.251.167
Chi phí bảo hiểm nhân viên trực tiếp	182.804.000	116.050.000
Chi phí khác	220.667	-
	1.858.855.757	1.687.301.167

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	1.068.935.246	2.213.401.255
Cổ tức, lợi nhuận được chia	432.500.000	303.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	78.598.730	11.723.622
	1.580.033.976	2.528.124.877

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	8.085.974.536 (1.149.630.246)	943.777.962 66.943.224
Phí liên quan đến hoạt động đầu tư	29.987.120	44.885.903
	6.966.331.410	1.055.607.089

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	2.713.899.405	2.909.913.633
Chi phí thuê văn phòng	1.804.358.093	736.376.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	408.809.569	303.854.085
Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	300.000.000	210.000.000
Chi phí tư vấn, kiểm toán	49.572.000	45.900.000
Thuế, phí, lệ phí	1.000.000	88.936.835
Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	34.829.163	38.344.432
	5.312.468.230	4.333.325.171

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% (2025: 17%) lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đở

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

24.2 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.896.937.005)	3.695.431.635
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (kỳ trước: 20%)	(1.179.387.401)	739.086.327
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	36.000.000	7.198.070
- Thu nhập từ cổ tức	(86.500.000)	(60.600.000)
- Lỗ tính thuế chưa sử dụng (*)	1.229.887.401	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	685.684.397

(*) Khoản lỗ tính thuế của kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 chưa được xác định là khoản lỗ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo do chưa đến thời điểm quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

25. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND
(Lỗ)/lãi phân bổ cho các cổ đông của Công ty	(5.896.937.005)	3.009.747.238
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(590)	301

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

<i>Giao dịch bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND</i>
Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý	765.944.259	856.094.355
		Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	50.000.000.000	50.000.000.000
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng Red Three	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý	283.813.693	312.837.564
		Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	35.000.000.000	35.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Giao dịch bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND</i>
Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	Quỹ được quản lý	Phí quản lý	4.872.468.578	3.396.882.930
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng Red Three	Quỹ được quản lý	Phí quản lý	1.788.215.838	1.526.770.889
Hội đồng Quản trị của Công ty	Hội đồng Quản trị	Thù lao, phụ cấp	300.000.000	210.000.000
Tổng Giám đốc của Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt	Lương, phụ cấp	1.500.000.000	1.500.000.000

27. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

27.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro tỷ giá

Công ty không chịu rủi ro tỷ giá do các tài sản tài chính của Công ty đều bằng đồng Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2026.

27.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng và công ty chứng khoán được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đồ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

27. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 3 tháng VND	Từ 3 tháng đến 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2026					
Tài sản tài chính					
Tiền và tương đương tiền	5.194.397.435	-	-	-	5.194.397.435
Đầu tư ngắn hạn	42.685.011.650	-	-	-	42.685.011.650
Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	1.049.757.952	-	-	1.049.757.952
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	4.282.412.816	-	-	4.282.412.816
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	85.000.000.000	85.000.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	-	-	949.227.075	949.227.075
	47.879.409.085	5.332.170.768	-	85.949.227.075	139.160.806.928
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả người bán	-	3.870.315	-	-	3.870.315
Chi phí phải trả	-	-	274.915.918	-	274.915.918
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	-	365.359.981	-	365.359.981
	-	3.870.315	640.275.899	-	644.146.214
Trạng thái thanh khoản ròng	47.879.409.085	5.328.300.453	(640.275.899)	85.949.227.075	138.516.660.714

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

28. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	5.194.397.435	14.462.408.501	5.194.397.435	14.462.408.501
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - gộp	42.685.011.650	45.008.961.650	(*)	(*)
Trả trước cho người bán	-	45.517.577	(*)	(*)
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	1.049.757.952	1.178.931.919	(*)	(*)
Phải thu ngắn hạn khác	4.282.412.816	3.379.403.823	(*)	(*)
Đầu tư dài hạn	85.000.000.000	85.000.000.000	(*)	(*)
Phải thu dài hạn khác	949.227.075	1.241.093.835	(*)	(*)
	139.160.806.928	150.316.317.305		
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	3.870.315	3.886.255	(*)	(*)
Chi phí phải trả	274.915.918	395.488.465	(*)	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	365.359.981	150.971.981	(*)	(*)
	644.146.214	550.346.701		

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phần ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2026 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
Tiền thuê văn phòng		
- Đến 1 năm	2.700.211.310	2.721.018.540
- Từ 1 năm đến 5 năm	10.216.263.410	11.580.287.680
	12.916.474.720	14.301.306.220

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Ông Trần Vũ Quân
Người lập

Ông Trần Vũ Quân
Kế toán Trưởng



Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc